

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30/7/2021

V/v: “Ly hôn; tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Việt Hòa;

2. Ông Nguyễn Văn Hoàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hải Minh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Hậu – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2021 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 71/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2021; Thông báo về việc thay đổi lịch mở phiên tòa số 42/2021/TB-TA ngày 11 tháng 5 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2021; Thông báo về việc thay đổi lịch mở phiên tòa số 46/2021/TB-TA ngày 19 tháng 7 năm 2021; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Vũ Đình Đ, sinh năm 1986.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn Lương Phúc, xã H, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú hiện nay: Nhật Bản.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Vũ Thị H, sinh năm 1981, địa chỉ: Thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1992.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Xã L, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú hiện nay: Nhật Bản.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Chị Nguyễn Thị V1, sinh năm 1990, địa chỉ: Thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

3. Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn C, địa chỉ: Xã L, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự và người làm chứng đều vắng mặt. (Anh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có xác nhận của đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản, anh Vũ Đình Đ trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị V được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào ngày 10 tháng 8 năm 2015 tại UBND xã H, huyện B, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, anh Đ và chị V sang Nhật Bản sinh sống và làm việc. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Anh Đ xác định chị V có quan hệ với người đàn ông khác và đã đi khỏi nhà từ tháng 08/2020, vợ chồng không còn liên lạc gì với nhau. Sau đó, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Anh Đ xác định mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị V.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh Đ, chị V có 01 con chung là cháu Vũ Nguyễn Huyền M (sinh ngày 21/4/2017). Hiện nay, cháu M đang do anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc tại Nhật Bản. Anh Đ đề nghị Tòa án giao cho anh trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị V cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình: Anh Đ không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của ông Nguyễn Văn C là bố đẻ của chị Nguyễn Thị V. Tại các biên bản lấy lời khai ngày 11/01/2021 và 10/3/2021, ông C trình bày: Chị V và anh Đ được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào ngày 10 tháng 8 năm 2015 tại UBND xã H, huyện B, tỉnh Hải Dương. Hiện nay, chị V và anh Đ đều đang lao động tại Nhật Bản. Chị V đã được ông thông báo các nội dung văn bản tố tụng của Tòa án gửi. Do bản thân ông không nắm được địa chỉ cụ thể ở Nhật Bản của chị V nên ông không thể cung cấp cho Tòa án. Chị V xác định anh Đ có đơn xin ly hôn, chị V hoàn toàn nhất trí và có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Nguyễn Huyền M. Đến ngày 05/7/2021, ông Nguyễn Văn C có đơn trình bày: Chị V sẽ gửi giấy tờ về cho Tòa án để làm căn cứ giải quyết vụ án và thay đổi quan điểm, không đồng ý ly hôn với anh Đ.

Sau đó, ngày 13/7/2021 chị Nguyễn Thị V ủy quyền cho chị Nguyễn Thị V1 (có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản).

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/7/2021, chị Nguyễn Thị V1 trình bày: Chị V xác định chị và anh Đ hiện không còn ở chung với nhau, vợ chồng ly thân từ lâu do thường xuyên xảy ra cãi nhau và xô xát, tình cảm vợ chồng không còn. Tuy nhiên, chị V không đồng ý giải quyết ly hôn với anh Đ do hiện nay cả chị V và anh Đ đều đang ở nước ngoài và không có mặt ở Việt Nam. Trường hợp Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật thì chị V không có ý kiến gì.

Theo thông tin do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cung cấp tại Công văn số 1753/QLXNC-P5 ngày 20/01/2021 thể hiện:

- Anh Vũ Đình Đ, sinh ngày 19/09/1986 tại Hải Dương; CCCD số 030086009010; hộ khẩu thường trú: Xã H, huyện B, tỉnh Hải Dương; sử dụng hộ chiếu số C6578072 do Cục quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 03/01/2019, đề xuất cảnh lần gần nhất ngày 06/01/2019 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

- Chị Nguyễn Thị V, sinh ngày 06/6/1992; địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh: Xã L, huyện B, tỉnh Hải Dương; số CMTND 142489271 cấp ngày 09/3/2007 tại CA tỉnh Hải Dương; đã sử dụng hộ chiếu số C0885971 do Cục quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 23/10/2015 đề xuất cảnh lần gần nhất ngày 31/01/2020 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác đều vắng mặt (Anh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt).

Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn cơ bản đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết: Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương đề nghị TAND tỉnh Hải Dương áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015, Nghị Quyết 326 của Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Vũ Đình Đ ly hôn chị Nguyễn Thị V; Về con chung: Giao cháu Vũ Nguyễn Huyền M cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu M đủ 18 tuổi, chấp nhận sự tự nguyện của anh Đ không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con. Chị V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Vũ Đình Đ có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Hải Dương đang làm việc tại Nhật Bản, có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị Nguyễn Thị V, là người Việt Nam hiện đang sinh sống tại Nhật Bản. Căn cứ quy

định tại khoản 1 Điều 28, Điều 37, Điều 39, Điều 464 BLTTDS, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa anh Đ vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị V vắng mặt lần thứ hai, căn cứ Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ và chị V được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào ngày 10 tháng 8 năm 2015 tại UBND xã H, huyện B, tỉnh Hải Dương. Sau khi chung sống với nhau được một thời gian khoảng 02 năm thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau; không quan tâm đến cuộc sống riêng của nhau. Anh Đ và chị V đã ly thân từ tháng 08/2020 đến nay, mỗi người ở một nơi. Anh Đ xác định mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa anh Đ, chị V cũng được đại diện gia đình chị V xác nhận. HĐXX xét thấy hôn nhân của anh Đ và chị V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho anh Đ ly hôn với chị V là phù hợp quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ nuôi con chung: Vợ chồng anh Đ và chị V có 01 con chung là cháu Vũ Nguyễn Huyền M (sinh ngày 21/4/2017). Anh Đ đề nghị Tòa án cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M và không yêu cầu chị V cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét thấy, việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung vừa là quyền vừa là nghĩa vụ của cha, mẹ. Hiện nay, cháu M đang sinh sống và học tập ổn định cùng với bố đẻ là anh Đ tại Nhật Bản kể từ khi chị V đi khỏi nhà. Theo tài liệu do anh Đ cung cấp cho Tòa án, bản thân anh Đ có chỗ ăn ở, có việc làm và thu nhập ổn định. Đồng thời, mẹ đẻ của anh Đ là bà Phạm Thị C1 cũng đang sinh sống tại Nhật Bản cùng anh Đ và cháu M để phụ giúp anh Đ chăm sóc cháu M nên đủ điều kiện nuôi con. Bên cạnh đó, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị V thông qua gia đình nhưng chị V không có văn bản trình bày quan điểm về yêu cầu khởi kiện của anh Đ. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung nên việc giao con chung cho anh Đ nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Sau này, chị V có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về việc thay đổi quyền nuôi con theo quy định. Do anh Đ tự nguyện tạm thời chưa yêu cầu chị V cấp dưỡng nên Tòa án không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con chung, sau này anh Đ có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Anh Đ và chị V không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 464 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Đình Đ. Xử cho anh Vũ Đình Đ ly hôn chị Nguyễn Thị V.

2. Về quan hệ nuôi con chung: Giao cho anh Vũ Đình Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Vũ Nguyễn Huyền M, sinh ngày 21/4/2017 đến khi đủ 18 tuổi trưởng thành.

Anh Đ tự nguyện không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Đ có quyền khởi kiện yêu cầu chị V cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Vũ Đình Đ phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) đồng án phí sơ thẩm dân sự (Hôn nhân và gia đình), đối trừ với 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, theo biên lai thu số AA/2018/0004849 ngày 05/01/2021. Anh Đ đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng; chị V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã H, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Lưu Tòa.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thanh Tuấn

